

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 404/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2022

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà:* Ông Trần Văn Len

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Kim Lên

Bà Nguyễn Huỳnh Hương

**- Thư ký phiên toà:** Bà Trịnh Nga Muội - Là Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 550/2022/TLST-HNGĐ ngày 23/8/2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 376/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/9/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Tố N, Sinh năm: 1988 (xin vắng mặt)

Cư trú: Khóm 7, thị trấn S, huyện T, tỉnh C

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu T, Sinh năm: 1991 (vắng mặt)

Cư trú: Khóm 9, thị trấn S, huyện T, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/8/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trịnh Tố N trình bày:*

*Về hôn nhân:* Chị và anh T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời ngày 23/02/2016, vợ chồng có hai người con chung cháu Nguyễn Kim Anh, sinh ngày 05/7/2016 và cháu Nguyễn Thiên Anh, sinh ngày 01/6/2020.

*Nguyên nhân mâu thuẫn:* Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị xét thấy không còn tình cảm với anh T, mối quan hệ hôn nhân không đạt được chị yêu cầu ly hôn với anh T.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: Yêu cầu được nuôi hai con chung cháu Nguyễn Kim A, sinh ngày 05/7/2016 và cháu Nguyễn Thiên A, sinh ngày 01/6/2020, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

*Bị đơn anh Nguyễn Hữu T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến văn bản trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: *Xét về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp*: Chị Trịnh Tố N khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với anh Nguyễn Hữu T, anh T có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, do đó xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vắng mặt đương sự*: Chị Trịnh Tố N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Hữu T đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N, anh T là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Xét về yêu cầu ly hôn*: Chị N và anh T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời theo giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 23/02/2016, do đó hôn nhân của anh chị hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị N xác định trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị N yêu cầu được ly hôn với anh T. Anh T đã được Tòa án thông báo các văn bản tố tụng nhưng anh T không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị N. Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng phải yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng anh chị không làm được điều đó, cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt, như vậy cho thấy giữa anh chị không có thiện chí để hòa giải hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N ly hôn với anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị N yêu cầu được nuôi hai con chung cháu Nguyễn Kim A, sinh ngày 05/7/2016 và cháu Nguyễn Thiên A, sinh ngày 01/6/2020. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại cháu Nguyễn Kim A, cháu Nguyễn Thiên A đang sống với chị N, để không làm xáo trộn cuộc sống của hai cháu, tiếp tục giao cháu Nguyễn Kim A, cháu Nguyễn Thiên A cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Hữu T có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Anh T phải tôn trọng

quyền của các cháu được sống với chị N là phù hợp Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Cấp dưỡng nuôi con: Chị Trịnh Tố N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] *Xét về tài sản chung, nợ chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, anh T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Trường hợp sau này anh T và chị N không thỏa thuận được với nhau về tài sản chung, nợ phát sinh tranh chấp có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[3] *Xét về án phí ly hôn*: Chị N là người yêu cầu nên phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận khởi kiện của chị Trịnh Tố N về việc yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

Con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Kim A, sinh ngày 05/7/2016 và cháu Nguyễn Thiên A, sinh ngày 01/6/2020 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Hữu T có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Anh T phải tôn trọng quyền của các cháu được sống với chị N

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Trịnh Tố N phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị N đã dự nộp tạm ứng án phí, lệ phí 300.000 đồng theo biên lai số 0005331 ngày 23/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

3. Quyền kháng cáo: Chị Trịnh Tố N, anh Nguyễn Hữu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc;
- Đường sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Văn Len**

